

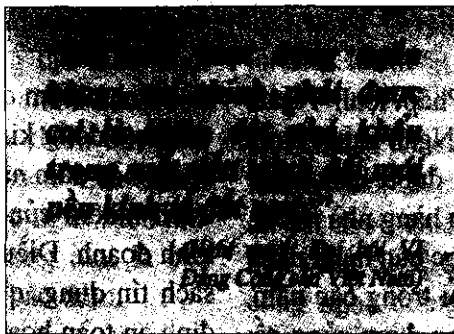
THÀNH TỰU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM

VŨ THỊ LIÊN *

20 năm vừa qua, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã được đổi mới toàn diện về khuôn khổ pháp lý, mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên trước mắt, cùng với những vận hội to lớn để trở thành hệ thống ngân hàng vững mạnh, ngành ngân hàng cũng còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức.

1 - Một số thành tựu của ngành ngân hàng Việt Nam sau 20 năm đổi mới và phát triển

Trước thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nước ta trong tình trạng khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, tăng trưởng kinh tế thấp, lạm phát cao, thâm hụt ngân sách và cán cân thương mại lớn, tỷ lệ thất nghiệp cao. Hệ thống ngân hàng cũng nằm trong tình trạng bất ổn định kéo dài, lưu thông tiền tệ rối loạn do không kiểm soát được khối



lượng tiền mặt, tín dụng trong nền kinh tế một cách hợp lý. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, 20 năm vừa qua hệ thống ngân hàng Việt Nam đã được đổi mới toàn diện về khuôn khổ pháp lý, mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp với xu hướng phát triển nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

Đổi mới căn bản cấu trúc thể chế và xây dựng mô hình ngân hàng hai cấp phù hợp với thống lệ của các nền kinh tế thị trường.

Hệ thống ngân hàng được chuyển từ mô hình ngân hàng một cấp sang mô hình ngân hàng hai cấp, vận hành theo nguyên tắc thị trường, chức năng ngân hàng thương mại được tách khỏi chức năng ngân hàng trung ương và quản lý nhà nước của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) để hình thành lên hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, tín

* TS, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

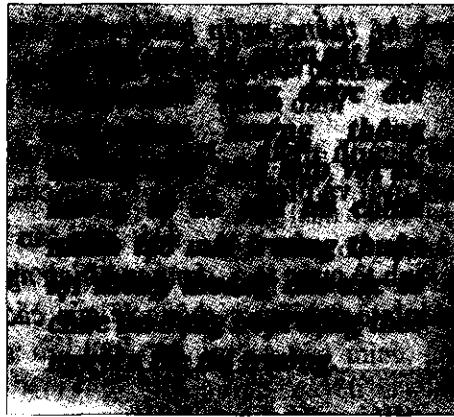
dụng, ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước đóng vai trò là Ngân hàng Trung ương của Việt Nam và là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Chính sách tiền tệ được độc lập với chính sách tài khóa và trở thành công cụ quan trọng của Chính phủ trong việc điều tiết kinh tế vĩ mô.

Đến nay, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam đã phát triển đa dạng về loại hình và hình thức sở hữu với 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 1 ngân hàng chính sách xã hội, 34 ngân hàng thương mại cổ phần, 32 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 6 công ty tài chính, 8 công ty cho thuê tài chính và hơn 900 quỹ tín dụng nhân dân. Trong đó, các ngân hàng thương mại nhà nước đóng vai trò chủ đạo trên thị trường ngân hàng xét về quy mô vốn, tài sản, mạng lưới và thị phần (trên 70%).

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới và hiện đại hóa hệ thống ngân hàng. Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã và Công ty tài chính được ban hành năm 1987. Sau đó, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng được ban hành năm 1997 và tiếp tục được sửa đổi trong các năm 2003 và 2004 để không ngừng được củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng hai cấp vận hành theo cơ chế thị trường, đồng thời thúc đẩy tiến trình đổi mới hiện đại hóa ngành ngân hàng.

Cơ chế quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng được đổi mới theo hướng thông thoáng

hơn, phù hợp với xu hướng tự do hóa tài chính nhằm tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho các tổ chức tín dụng hoạt động theo nguyên tắc thị trường và các tổ chức, cá nhân tiếp cận thuận lợi các dịch vụ ngân hàng. Tư duy, quan điểm lấy định cơ chế, chính sách quản lý hoạt động ngân hàng được chuyển theo hướng lấy đối tượng bị quản lý làm mục tiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng bị quản lý hoạt động hợp pháp thay vì mang tính áp đặt, quan liêu hành chính, song vẫn bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng. Các cơ chế, chính sách quản lý và thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng ngày càng được hoàn thiện phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam và



các thông lệ, chuẩn mực quốc tế nhằm tạo môi trường thuận lợi cho ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và hoạt động của các tổ chức tín dụng được an toàn, hiệu quả, hội nhập nhanh với khu vực và thế giới. Hệ thống cơ chế, chính sách của NHNN ngày càng xác định rõ ràng ranh giới, vị

trí, trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN với hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, bảo đảm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức tín dụng trong kinh doanh. Điều này thể hiện rõ trong chính sách tín dụng, quản lý ngoại hối và các qui định an toàn hoạt động ngân hàng. Hiện nay, các tổ chức tín dụng hoàn toàn tự chủ trong quyết định cho vay theo nguyên tắc thương mại. Bao cấp, ưu đãi tài chính và phân biệt đối xử giữa các loại hình tổ chức tín dụng ngày càng được giảm thiểu. Cho vay các đối tượng chính sách và cho vay theo chỉ định của

Chính phủ đã được tách về căn bản khỏi cho vay thương mại để chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về dịch vụ ngân hàng được tiếp cận các tổ chức tín dụng thuận lợi và không hạn chế. Trong khi đó, NHNN chỉ thực hiện vai trò quản lý nhà nước và điều tiết thị trường bằng pháp luật và các biện pháp kinh tế là chủ yếu.

Cơ chế điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối, lãi suất và tỷ giá đã được đổi mới căn bản để từng bước hình thành hệ thống tiền tệ được điều tiết chủ yếu theo cơ chế thị trường. Cơ chế điều hành chính sách tiền tệ được chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa sang cơ chế điều hành dựa vào thị trường với việc từng bước loại bỏ các biện pháp kiểm soát tiền tệ trực tiếp như các kế hoạch tiền mặt, kế hoạch tín dụng, trần tín dụng, ấn định lãi suất và đưa vào áp dụng các công cụ chính sách tiền tệ gián tiếp như nghiệp vụ thị trường mở, chiết khấu, dự trữ bắt buộc được vận hành linh hoạt và phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngân hàng Nhà nước thực hiện điều hành chính sách tiền tệ theo tín hiệu thị trường và hướng tới thực thi mục tiêu tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát trong từng thời kỳ. Quan hệ với ngân sách nhà nước đã được đổi mới theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho điều hành chính sách tiền tệ. Từ năm 1992, NHNN đã chấm dứt phát hành tiền cho chi tiêu ngân sách. Các khoản tín dụng của NHNN dành cho ngân sách nhà nước và các ngân hàng thương mại là các khoản tín dụng ngắn hạn, có bảo đảm.

Cơ chế điều hành lãi suất và tỷ giá có sự đổi mới căn bản nhằm tiến tới một hệ thống lãi suất và tỷ giá linh hoạt, vận hành theo nguyên tắc thị trường. Lãi suất được chuyển dần từ cơ chế lãi suất cố định được kiểm soát bằng các biện pháp mệnh lệnh hành chính sang cơ chế lãi suất thị trường. Cơ chế lãi suất

thực dương được thực hiện từ năm 1992. Lãi suất đồng Việt Nam đã được tự do hóa từ tháng 6-2002. Lãi suất ngoại tệ về cơ bản được tự do hóa. Cơ chế đa tỷ giá cố định được điều hành bằng các biện pháp mệnh lệnh hành chính đã được thay thế bằng cơ chế tỷ giá linh hoạt, dựa trên cơ sở thị trường. Cơ chế tỷ giá thị trường được hỗ trợ tích cực bằng việc đổi mới chính sách quản lý ngoại hối theo hướng tự do hóa các giao dịch vãng lai và nới lỏng kiểm soát các giao dịch vốn. Cuối năm 2005, Pháp lệnh Ngoại hối đã được ban hành và IMF đã công nhận Việt Nam là quốc gia tự do hóa các giao dịch vãng lai. Vì vậy, lãi suất và tỷ giá trở thành thước đo giá trị và đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy tiết kiệm, đầu tư, kiểm soát lạm phát, ổn định hệ thống tài chính, góp phần khuyến khích xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế.

Đi đôi với đổi mới cơ chế điều hành tiền tệ, lãi suất và tỷ giá, NHNN quan tâm phát triển hệ thống thị trường tiền tệ như thị trường liên ngân hàng, thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường đấu thầu trái phiếu và thị trường mở để hỗ trợ cho việc thực thi cơ chế điều hành chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả hơn.

Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ ngân hàng có những bước tiến vượt bậc. Ngành ngân hàng đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc hiện đại hóa công nghệ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng được vận hành từ tháng 5-2002 đã đưa trình độ công nghệ thanh toán của Việt Nam tiến gần hơn tới trình độ của các nước trong khu vực. Sự phát triển của hệ thống thanh toán ngân hàng thúc đẩy dịch vụ ngân hàng phát triển đa dạng với chất lượng cao hơn, đặc

biệt là công cụ thanh toán hiện đại như thẻ thanh toán, các dịch vụ ngân hàng điện tử để giảm tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông. Hiện nay, việc thực hiện một giao dịch chuyển tiền, thanh toán điện tử chỉ mất vài giây. Ngành ngân hàng đang tiếp tục thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán điện tử giai đoạn II tới các địa phương trong cả nước.

Hệ thống các tổ chức tín dụng ngày càng được củng cố, lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính, hoạt động, công nghệ, quản trị điều hành và khả năng cạnh tranh đã góp phần quan trọng vào ổn định hệ thống tài chính và phát triển kinh tế - xã hội. Những tiến bộ đạt được của khu vực các tổ chức tín dụng cũng rất đáng khích lệ và là một phần quan trọng trong bức tranh tổng thể về cải cách hệ thống ngân hàng. Cụ thể:

Thứ nhất, các tổ chức tín dụng từng bước hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về tài chính và các rủi ro ngày càng được thể chế hóa rõ ràng và thực hiện tương đối hiệu quả. Các tổ chức tín dụng thực hiện chức năng trung gian tài chính dựa trên cơ sở thương mại - đi vay để cho vay, không dựa vào nguồn vốn phát hành của NHNN để mở rộng tín dụng. Các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về kinh doanh và quản trị ngân hàng thương mại đang từng bước được áp dụng. Hoạt động của các ngân hàng thương mại ngày càng mang tính chuyên nghiệp và có uy tín hơn với quốc tế. Các ngân hàng thương mại nhà nước đã được kiểm toán quốc tế định kỳ. Hoạt động của các tổ chức tín dụng từng bước được minh bạch hóa thông qua cơ chế kiểm toán độc lập và công bố thông tin công khai.

Thứ hai, với vai trò chủ lực trong hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng là kênh huy động và phân bổ nguồn lực tài chính quan

trọng, góp phần tạo nên những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hầu hết các ngân hàng thương mại chuyển sang kinh doanh đa năng, cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng và có chất lượng cao hơn. Trong 20 năm qua, huy động vốn và cho vay của hệ thống ngân hàng thương mại tăng trưởng ở mức trên 20%/năm, đến cuối năm 2005 đã đạt quy mô tương đương gần 70% GDP.

Thứ ba, năng lực tài chính và mức độ lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng đã được cải thiện đáng kể. Đối với các ngân hàng thương mại nhà nước, tính đến cuối năm 2005 tổng vốn điều lệ đạt hơn 22 ngàn tỉ đồng, đạt tỷ lệ an toàn vốn bình quân 5% - 6%, có ngân hàng đã đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế (8%). Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đã phát triển rộng khắp ở hầu hết các địa phương, chủ yếu khu vực nông thôn, góp phần quan trọng đối với việc phát triển thị trường tiền tệ ở khu vực nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, đẩy lùi tệ cho vay nặng lãi.

Thứ tư, chất lượng tín dụng toàn hệ thống ngân hàng được cải thiện thông qua hàng loạt các biện pháp tăng cường chất lượng tín dụng và đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo thông lệ quốc tế. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ hiện nay của toàn hệ thống ngân hàng (theo tiêu chuẩn của Việt Nam) giảm đáng kể, còn khoảng 3%.

Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và mở cửa lĩnh vực ngân hàng theo các thỏa thuận song phương và đa phương. Thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, ngành ngân hàng tích cực, chủ động mở cửa thị trường và tăng cường hợp tác quốc tế song phương, đa phương để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ cộng đồng quốc tế. Sau khi Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với hầu hết các tổ chức tài chính quốc tế như

WB, IMF, ADB, NHNN đã làm tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức này. Đến cuối năm 2005, WB và ADB cam kết tài trợ tổng giá trị vốn vay hơn 9 tỉ USD cho 108 chương trình, dự án quốc gia thuộc các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, môi trường. Đến nay, NHNN và các tổ chức tín dụng đã có quan hệ hợp tác với hơn 2.000 ngân hàng của hơn 100 quốc gia. Ngoài ra, NHNN cũng tăng cường phát triển các mối quan hệ hợp tác song phương với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là trong việc hỗ trợ đào tạo cán bộ. Ngành ngân hàng thực hiện đầy đủ các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và tích cực đổi mới về chính sách và cơ chế hoạt động để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ WTO.

Trên cơ sở bảo đảm ổn định tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, kiểm soát lạm phát và thực hiện có hiệu quả chức năng trung gian tài chính (huy động và cho vay vốn), ngành ngân hàng đã có những đóng góp quan trọng vào thành tựu 20 năm đổi mới vừa qua của nền kinh tế. Đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, trì trệ; duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chấm dứt được tình trạng lạm phát phi mã (năm 1989 lạm phát là 742%) và kiểm soát lạm phát ở mức một chữ số trong 10 năm liên tục; khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhanh (tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6,77%/năm, riêng trong giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,51%/năm) và trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới, đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề xã hội, đặc biệt trong vấn đề xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó, ngành

ngân hàng Việt Nam đã có những đóng góp hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngành ngân hàng tuy đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng phải trả giá cho những sai lầm, thiếu sót. Sự đổ vỡ hàng loạt các hợp tác xã tín dụng trong các năm 1989 - 1990 như bài học quản lý đất giá trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Các vụ án kinh tế liên quan đến ngành ngân hàng như vụ EPCO, Minh Phụng và nhiều vụ kinh doanh thua lỗ, đổ vỡ tín dụng, mất an toàn hoạt động ngân hàng đã để lại hậu quả không nhỏ. Đó cũng là những bài học xương máu khi chuyển sang cơ chế thị trường.

2 - Những khó khăn, thách thức và định hướng đổi mới, phát triển của ngành ngân hàng đến năm 2010 và 2020

Mặc dù đạt được những bước phát triển quan trọng và có những đóng góp to lớn cho nền kinh tế, song hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn ở trình độ phát triển thấp so với khu vực và thế giới. Điều đó thể hiện trên mấy điểm: *Thứ nhất*, hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ và hiệu lực quản lý nhà nước, đặc biệt là giám sát hoạt động ngân hàng của NHNN còn hạn chế. *Thứ hai*, khung pháp lý còn nhiều bất cập so với yêu cầu đổi mới và phát triển ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. *Thứ ba*, hệ thống các tổ chức tín dụng có năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ và hiệu quả hoạt động còn yếu so với yêu cầu đổi mới và phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay và trong tương lai. Mức độ an toàn và lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng còn

thấp so với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Chúng loại dịch vụ ngân hàng còn nghèo nàn và chất lượng dịch vụ ngân hàng chưa cao. Các tổ chức tín dụng Việt Nam có qui mô hoạt động nhỏ và chưa có khả năng cạnh tranh quốc tế. Hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần có mức vốn tự có dưới 30 triệu USD và vốn điều lệ bình quân của 4 ngân hàng thương mại nhà nước khoảng 4.550 tỉ đồng. Thứ tư, mở cửa thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng rủi ro bất ổn của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là rủi ro về biến động tỷ giá, lãi suất, luồng chu chuyển vốn quốc tế. Ngành ngân hàng vừa mới vượt qua được chính mình, nay lại phải cuốn vào "cuộc chơi" mới với "sân chơi" rộng hơn, luật lệ khắc nghiệt hơn. Sẽ thực sự trở thành thách thức lớn với sự hiện hữu rõ ràng của nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các quốc gia khác, nếu không có những cải cách triệt để và chính sách phát triển hợp lý hơn. Thứ năm, môi trường hoạt động ngân hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là nguy cơ gia tăng nợ xấu, rủi ro mất vốn luôn rình rập. Kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định vững chắc và hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước có năng lực tài chính và hiệu quả kinh doanh còn thấp.

Bên cạnh những hạn chế trên, ngành ngân hàng đang đứng trước vận hội to lớn để trở thành hệ thống ngân hàng vững mạnh, hiện đại, an toàn và hiệu quả. Năm 2005, Bộ Chính trị đã thông qua mục tiêu, giải pháp phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; tháng 5-2006 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Cụ thể:

Đổi mới tổ chức và hoạt động của NHNN để hình thành bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực, năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, thực hiện các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động Ngân hàng Trung ương, hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 phát triển NHNN trở thành Ngân hàng Trung ương hiện đại, đạt trình độ tiên tiến của các ngân hàng trung ương trong khu vực châu Á. Cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng



theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình tổ chức tín dụng, có

quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các tổ chức tín dụng hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới.

Để thực hiện các mục tiêu nói trên, nhiệm vụ đặt ra hết sức nặng nề, đòi hỏi toàn ngành ngân hàng phải phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng lại hai luật về ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của

ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng môi trường pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng.

- Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của NHNN theo hướng trở thành Ngân hàng Trung ương hiện đại. Nâng cao vị thế của NHNN để bảo đảm NHNN hoạt động thực sự với tư cách và mang đầy đủ tính chất là Ngân hàng Trung ương trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sắp xếp lại bộ máy NHNN ở trung ương và cơ cấu lại hệ thống chi nhánh NHNN, tiến tới hình thành các chi nhánh NHNN khu vực.

- Đổi mới cơ chế điều hành chính sách tiền tệ và nâng cao hiệu quả của các công cụ chính sách tiền tệ gắn liền với đổi mới cơ chế điều hành lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường. Mục tiêu bao trùm của chính sách tiền tệ là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát và góp phần tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Từng bước tạo lập các điều kiện cần thiết để sau năm 2010 NHNN chuyển sang điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế lấy kiểm soát lạm phát làm mục tiêu.

- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Phát triển hệ thống thanh toán điện tử trong toàn quốc; hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, thanh toán bù trừ và hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng thương mại. Phát triển công nghệ, phương tiện thanh toán, các hình thức và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn, hiệu quả.

- Phát triển thị trường tiền tệ một cách đồng bộ, an toàn và mang tính cạnh tranh cao

nhằm tạo cơ sở quan trọng cho điều hành chính sách tiền tệ, huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn tài chính, giảm thiểu rủi ro cho các tổ chức tín dụng. Xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng hiện đại và hữu hiệu nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam và phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng; nâng cao hiệu quả quản lý đối với các loại hình tổ chức tín dụng.

- Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng với trọng tâm là đến năm 2010 cơ cấu lại phần lớn các ngân hàng thương mại nhà nước nhằm nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh, mở rộng quy mô và năng lực cạnh tranh, đồng thời bảo đảm đạt mức độ an toàn và lành mạnh theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế; đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8%. Các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại có cổ phần chi phối của Nhà nước đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong hệ thống ngân hàng về quy mô hoạt động, năng lực tài chính, công nghệ quản lý và hiệu quả kinh doanh.

- Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và các dịch vụ tài chính, ngân hàng có hàm lượng công nghệ cao.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý cho cán bộ của ngành ngân hàng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng theo các cam kết đa phương và song phương, đặc biệt là các quy định, nguyên tắc trong khuôn khổ thỏa thuận của Tổ chức Thương mại thế giới. □